

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 453/2019/DS-PT

Ngày 27-9-2019

V/v: Tranh chấp “Đòi tài sản di sản
thừa kế, đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn.

Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/TLPT-DS ngày 11/7/2019 về việc “Đòi tài sản di sản thừa kế, đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1876/2019/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1972.

2/ Chị Trương Hoàng O, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Số 86A đường ĐBP, Khóm 3, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn P.

Địa chỉ: Số 175 đường LTT, ấp NO, thị trấn HHN, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2018)

- Bị đơn:

1/ Bà Trương Thị L1, sinh năm 1957.

2/ Ông Lê Hoàng T (Chết năm 2013).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng T:

2.1/ Bà Trương Thị L1, sinh năm 1957.

2.2/ Bà Phạm Tuyết M, sinh năm 1931.

2.3/ Ông Lê Hoàng Quốc T1, sinh năm 1979.

2.4/ Ông Lê Trung T2, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 140 đường ĐBP, Khóm 3, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L1, ông Lê Hoàng Quốc T1, ông Lê Trung T2, bà Phạm Tuyết M: Ông Võ Tuấn H.

Địa chỉ: Số 95 đường PCT, khóm 3, Phường 1, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2017 và ngày 01/12/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hồ Chí B.

Địa chỉ: Số 03 đường NTMK, Phường 3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 01, đường CVT, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Hùng A – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 852/UBND-NC ngày 17/5/2018).

2/ Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Phường 6: Ông Lê Quyết L2 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 6 (Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018).

Người kháng cáo: Nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc L, chị Trương Hoàng O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, bà Nguyễn Ngọc L, chị Trương Hoàng O và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1992, bà L sống chung với ông Trương Hàn Th nhưng đến ngày 09/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, thành phố ST. Quá trình chung sống, có một con chung là Trương Hoàng O sinh ngày 29/01/1993. Ông Th chết ngày 10/01/2007. Tài sản để lại là căn nhà và đất tọa lạc tại số 17 (số mới là 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST (nhà đất số 17). Căn nhà trên có nguồn gốc do Ông Th mua của bà Huỳnh Thị H1 vào năm 2003 và ngày 19/3/2003, Ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở - quyền sử dụng đất ở.

Sau khi Ông Th chết, ông Lê Hoàng T và bà Trương Thị L1 cho biết Ông Th lập di chúc tại UBND Phường 6 vào ngày 31/8/2006 để lại căn nhà nêu trên cho ông T, bà L1 nên ông T và bà L1 đã làm mái che sân, cổng rào, khóa cửa không cho bà L, chị O sử dụng căn nhà trên. Tuy nhiên, ngày 31/8/2006 thì Ông Th điều trị tại bệnh viện TA, Thành phố Hồ Chí Minh, tình trạng sức khỏe lúc tỉnh, lúc mê và không được bác sĩ điều trị cho xuất viện hoặc chuyển viện, nên tờ di chúc lập ngày 31/8/2006 là không hợp pháp.

Vì vậy, bà L, chị O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Không công nhận tờ di chúc của Ông Th lập ngày 31/8/2006 là hợp pháp; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Huỳnh Thị H1 ngày 12/12/2002, sau đó chỉnh lý sang tên cho ông Trương Hàn Th ngày 19/3/2003; Hủy phần chỉnh lý sang tên cho bà Trương Thị L1 ngày 30/12/2014 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố ST

Tại đơn phản tố, bị đơn ông Lê Hoàng T và bà Trương Thị L1 trình bày: Căn nhà và đất số 17 nêu trên có nguồn gốc do vợ chồng ông T, bà L1 mua của bà Huỳnh Thị H1 với giá 240.000.000 đồng nhưng cho Ông Th đứng tên. Tờ di chúc ngày 31/8/2006 là do Ông Th lập, ký tên, lấn tay và được UBND Phường 6, thành phố ST xác nhận nên là hợp pháp. Vì vậy, ông T, bà L1 yêu cầu Tòa án: Công nhận di chúc lập ngày 31/8/2006 là hợp pháp. Nếu không thì yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất số 17 thuộc sở hữu của bà L1 và ông T và buộc bà L, chị O có trách nhiệm giao trả cho bà L1, ông T. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút lại yêu cầu công nhận nhà đất tại số 17 thuộc sở hữu của bà L1 và ông T.

Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố ST trình bày: Việc chứng thực di chúc cho Ông Th là đúng quy định pháp luật. Vào ngày 31/8/2006, Ông Th đi xe du lịch đến UBND Phường 6 và yêu cầu chứng thực chữ ký trong tờ di chúc do ông tự lập, kèm toàn bộ giấy tờ chứng minh là tài sản riêng của Ông Th. Đại diện UBND Phường 6 đã đề nghị Ông Th đọc lại di chúc để kiểm tra năng lực hành vi. Ông Th đã đọc lại và tự nguyện ký tên và lấn tay điểm chỉ vào di chúc trước mặt người có thẩm quyền, nên UBND đã xác nhận chữ ký, dấu lấn tay của Ông Th vào bản di chúc.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày: Năm 1999, bà Huỳnh Thị H1 lập thủ tục xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại đường YK, Khóm 2, Phường 6, thị xã Sóc Trăng. Theo đó, Sở Địa chính phối hợp với địa phương tổ chức xác minh ranh giới, mốc giới, nguồn gốc thửa đất, tiến hành đo đạc thực tế, có lập biên bản và được các hộ giáp ranh ký xác nhận. Căn cứ trên hồ sơ đăng ký và kết quả xác minh, UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà H1 vào ngày 12/12/2002, diện tích đất 95,92m². Ngày 10/02/2003, bà H1 chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất và nhà ở cho Ông Th, hợp đồng được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Sóc Trăng công chứng. Căn cứ hợp đồng mua bán nhà ở - đất ở được công chứng và hồ sơ cấp giấy của bà H1, UBND tỉnh chỉnh lý trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho Ông Th vào ngày 19/3/2003. Ngày 31/8/2006,

Ông Th lập di chúc để lại tài sản là căn nhà nêu trên cho bà L1 (chị gái của Ông Th) và ông T; bà L1 và ông T có trách nhiệm giao trả lại cho bà O (con gái Ông Th) 1/5 giá trị căn nhà; di chúc được UBND Phường 6 xác nhận.

Năm 2013, ông T chết, bà L1 được mẹ của ông T là bà Phạm Tuyết M cùng các con và bà O nhượng quyền hưởng di sản thừa kế (các văn bản nhượng quyền đã được UBND phường 6 xác nhận ngày 15/12/2014 và Văn phòng Công chứng KH công chứng ngày 09/12/2014). Theo đó, bà L1 lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất ở, nhà ở. Trên cơ sở các văn bản nhượng quyền đã được công chứng, xác nhận và hồ sơ cấp Giấy của bà H1, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố ST chỉnh lý trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà L1 vào ngày 30/12/2014.

Do đó UBND tỉnh Sóc Trăng khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật

Quá trình giải quyết vụ án như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2012/DS-ST, ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc đã quyết định:

- Chấp nhận đơn phản tố của bà Trương Thị L1, ông Lê Hoàng T về việc công nhận di chúc lập ngày 31/8/2006 do ông Trương Hàn Th là hợp pháp.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc L, chị Trương Hoàng O đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của căn nhà số 17 (số mới 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST là tài sản riêng của ông Trương Hàn Th.

- Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc L, chị Trương Hoàng O về việc không công nhận di chúc ngày 31/8/2006 do ông Trương Hàn Th lập là hợp pháp.

Tại Bản án phúc thẩm số 105/2013/DS-PT ngày 27/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 107/2017/DS-GĐT ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2013/DS-PT, ngày 27/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2012/DS-ST, ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố ST. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố ST xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 12/03/2018, Tòa án nhân dân thành phố ST ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-CVA chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án số 04/2019/DS-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hoàng O và chị Nguyễn Ngọc L về việc:

- Không công nhận tờ di chúc lập ngày 31/8/2006 là hợp pháp.

- Hủy phần nội dung do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố ST đã chỉnh lý sang tên cho bà Trương Thị L1 ngày 30/12/2014 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 557, thửa số 166, tờ bản đồ số 31, diện tích 95,92m², loại đất ODT, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Huỳnh Thị H1 ngày 12/12/2002, sau đó chỉnh lý sang tên cho ông Trương Hàn Th ngày 19/3/2003.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận căn nhà số 17 (số mới là 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST thuộc sở hữu của bà Trương Thị L1 và ông Lê Hoàng T (Chết).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Thị L1, ông Lê Hoàng T về việc công nhận di chúc lập ngày 31/8/2006 do ông Trương Hàn Th lập là hợp pháp và buộc bà Nguyễn Ngọc L, chị Trương Hoàng O có trách nhiệm giao trả căn nhà và đất tọa lạc số 17 (số mới là 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 557, thửa số 166, tờ bản đồ số 31, diện tích 95,92m², loại đất ODT, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Huỳnh Thị H1 ngày 12/12/2002, sau đó chỉnh lý sang tên cho ông Trương Hàn Th ngày 19/3/2003, đến ngày 30/12/2014 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố ST đã chỉnh lý sang tên cho bà Trương Thị L1. Phần đất có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đường YK có số đo 4,1m.

- Hướng Tây giáp hộ Đào Ngọc S (Mương nước) có số đo 3,85m.

- Hướng Nam giáp hộ Đào Ngọc S (thửa đất 165) có số đo 22,4m.

- Hướng Bắc giáp hộ Dương Quốc V (thửa đất 167) có số đo 21,9m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/3/2019, bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O kháng cáo yêu cầu chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà L, chị O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Do di chúc lập ngày 31/8/2006 của Ông Th là không đúng pháp luật nên yêu cầu Tòa án hủy di chúc trên và hủy việc chỉnh lý sang tên cho bà L1 ngày 30/12/2014. Theo hợp đồng mua bán nhà ngày 10/02/2003 thì bà L xác nhận căn nhà là tài sản riêng của Ông Th nhưng tài sản này vẫn là tài sản chung của vợ chồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo nội dung Quyết định giám đốc thẩm số 107/2017 ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ngày 31/8/2006 của Ông Th có hiệu lực là không đúng, vì các lý do sau đây: Trong thời gian ký di chúc thì Ông Th đang điều trị tại bệnh viện TA. Khoảng cách từ

Thành phố Hồ Chí Minh về Sóc Trăng rất xa, trong điều kiện đi lại khó khăn (cầu Cần Thơ chưa làm xong) nên Ông Th không thể đi về trong ngày để ký vào di chúc; Bản án sơ thẩm nhận định nội dung công văn của Bệnh viện TA là không đúng pháp luật nhưng không căn cứ vào quy định pháp luật nào? Trong 2 kết luận giám định của cơ quan Công an (Công an tỉnh Sóc Trăng và Bộ Công an) thì mặc dù đã xác định chữ ký, dấu vân tay trong di chúc là của Ông Th nhưng cũng có phần giám định lại ghi không phải dấu vân tay của Ông Th; Ông Th và bà L là vợ chồng, có một con chung là chị O nhưng di chúc lại để lại tài sản cho người khác là không phù hợp; Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 thì bà L, chị O là người được hưởng bằng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật mà không phụ thuộc vào di chúc nhưng di chúc lại không thể hiện. Ngoài ra, việc chuyển tên sang cho bà L1 cũng không đúng pháp luật. Do di chúc của Ông Th vi phạm pháp luật, không phù hợp với đạo lý nên đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo và khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Cơ quan Công an ban hành 2 kết luận giám định đã xác định chữ ký, dấu vân tay trong di chúc và chữ ký trên hợp đồng mua bán nhà ngày 10/02/2003 giữa bà H1 với Ông Th là của Ông Th. Tại hợp đồng mua bán nhà ngày 10/02/2003 không có dấu vân tay của Ông Th nhưng cơ quan giám định lại đối chiếu vân tay của bà H1 với mẫu vân tay của Ông Th là có sự nhầm lẫn nên đã kết luận 2 mẫu vân tay này khác nhau. Công văn trả lời của Bệnh viện TA, cũng như việc ghi chép Phiếu điều trị không đúng quy định tại Quyết định số 1895/1997-QĐ-BYT ngày 19/9/1997 về ban hành quy chế bệnh viện nên không là chứng cứ để giải quyết vụ án. Việc hưởng thừa kế đối với nhưng người không phụ thuộc vào di chúc sẽ được giải quyết trong vụ án khác. Trong vụ án này các đương sự chỉ tranh chấp di chúc có hợp pháp hay không. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Hồ sơ vụ án thể hiện có việc Ông Th ký vào di chúc, phù hợp với xác nhận của UBND Phường 6 và kết luận giám định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và giải quyết là đúng quy định tại khoản 14 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Kháng cáo của các nguyên đơn đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Về di sản thừa kế: Bản án sơ thẩm xác định căn nhà và đất tọa lạc tại số 17 (số mới là 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng là di sản của Ông Th là có căn cứ. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng mua bán nhà ở-đất ở ngày 10/2/2003 giữa bà H1 với Ông Th thì bà L có xác nhận căn nhà trên là tài sản riêng của Ông Th. Hợp đồng này chỉ có chữ ký (không có dấu vân tay) của Ông Th và dấu vân tay của bà H1.

[2] Xét di chúc ngày 31/8/2016, thấy rằng:

[2.1] Di chúc được ông Trần Văn C Phó chủ tịch UBND Phường 6 xác nhận có nội dung: Chữ ký và dấu vân tay của Ông Th. Tại Công văn số 47/CV-UBND ngày 19/8/2011 và Công văn số 11/CV-UBND ngày 25/5/2012 của UBND Phường 6 (bút lục 175, 376) có cùng nội dung: Ông Th đã đọc lại di chúc và tự nguyện ký tên.

[2.2] Kết luận giám định số 54/C54-P5 ngày 27/3/2012 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm - Bộ Công an (bút lục 331) đã xác định chữ ký tại di chúc ngày 31/8/2006 so với chữ ký tại hợp đồng mua bán nhà ở-đất ở ngày 10/2/2003 là của Ông Th. Kết luận giám định số 368/PC09-GĐ ngày 21/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sóc Trăng (bút lục 1022) đã xác định dấu vân tay trong di chúc ngày 31/8/2006 là của Ông Th. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả giám định trên để giải quyết vụ án là đúng.

[3] Lý do duy nhất để nguyên đơn khởi kiện và kháng cáo yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc ngày 31/8/2006 vì cho rằng tại thời điểm lập di chúc thì Ông Th đang điều trị nội trú tại Bệnh viện TA nên không thể lập di chúc tại UBND Phường 6, thấy rằng:

[3.1] Hồ sơ bệnh án của Ông Th thể hiện: Tại trang thứ hai của “Tờ điều trị số 4” có nội dung: Bác sĩ Nguyễn Văn T3 khám 01 lần vào ngày 31/8/2006 và 01 lần vào ngày 01/9/2006 (cả hai lần đều không ghi giờ khám) nhưng tại trang thứ nhất của “Tờ điều trị số 5” liền kề lại ghi vào lúc 00 giờ 45 phút ngày 31/8/2006 có 02 Bác sĩ đã khám 4 lần cho Ông Th và cuối trang có thêm một lần khám vào ngày 01/9/2006. Tại phần Y lệnh ở trang 2 của “Tờ điều trị số 4” không có chỉ định xét nghiệm huyết đồ của bác sĩ điều trị nhưng lại có 02 phiếu kết quả xét nghiệm máu cùng ngày 31/8/2006, đồng thời 02 phiếu kết quả xét nghiệm này không do Bác sĩ xét nghiệm ký tên. Như vậy, việc ghi ngược lại về mặt thời gian trong hồ sơ bệnh án của Ông Th, không khám bệnh mà chỉ định phương pháp điều trị, thực hiện xét nghiệm khi không có chỉ định bác sĩ là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 2, Điều 55 của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 và Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997-QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế nên không đủ căn cứ kết luận Ông Th đã nằm điều trị suốt cả ngày 31/8/2006 tại bệnh viện.

[3.2] Khoảng cách từ Bệnh viện TA, Thành phố Hồ Chí Minh và UBND Phường 6, thành phố ST khoảng 220km, nên việc Ông Th đi và về từ bệnh viện – UBND Phường 6 trong ngày bằng phương tiện ô tô như xác nhận của ông Trần Văn C Phó chủ tịch UBND Phường 6 là hoàn toàn có thể xảy ra.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài việc cho rằng Ông Th đang điều trị tại bệnh viện nên không thể về Sóc Trăng để ký vào di chúc thì nguyên đơn không có chứng cứ khác chứng minh việc cung cấp thông tin của UBND Phường 6 là không đúng sự thật khách quan.

[4] Ông Th chết ngày 10/01/2007. Con gái của Ông Th là chị O sinh ngày 29/01/1993. Căn cứ Điều 669 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì chị O là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc. Trong di chúc trên, chị O chỉ được hưởng giá trị 1/5 căn nhà nên nếu phần di sản chị O được hưởng theo di chúc không bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật thì chị O có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Từ những nội dung nêu tại mục [1], [2], [3], Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ngày 31/8/2006 của Ông Th hợp pháp, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và nội dung trình bày người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 650, 652, 653, 657 và 658 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 36, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001); Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2014 /TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp,

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O về việc:

3.1. Không công nhận tờ di chúc lập ngày 31/8/2006 là hợp pháp.

3.2. Hủy phần nội dung do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố ST đã chỉnh lý sang tên cho bà Trương Thị L1 ngày 30/12/2014 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 557, thửa số 166, tờ bản đồ số 31, diện tích 95,92m², loại đất ODT, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Huỳnh Thị H1 ngày 12/12/2002, sau đó chỉnh lý sang tên cho ông Trương Hàn Th ngày 19/3/2003.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận căn nhà số 17 (số mới là 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST thuộc sở hữu của bà Trương Thị L1 và ông Lê Hoàng T (Chết).

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Thị L1, ông Lê Hoàng T về việc công nhận di chúc do ông Trương Hàn Th lập ngày 31/8/2006 là hợp pháp. Buộc bà Nguyễn Ngọc L, chị Trương Hoàng O có trách nhiệm giao trả cho bà Trương Thị L1 căn nhà và đất tọa lạc số 17 (số mới là 60) đường YK, Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 557, thửa số 166, tờ bản đồ số 31, diện tích 95,92m², loại đất ODT, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Huỳnh Thị H1 ngày 12/12/2002, sau đó chỉnh lý sang tên cho ông Trương Hàn Th ngày 19/3/2003, đến ngày 30/12/2014 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố ST đã chỉnh lý sang tên cho bà Trương Thị L1. Phần đất có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đường YK có số đo 4,1m.
- Hướng Tây giáp hộ Đào Ngọc S (Mương nước) có số đo 3,85m.
- Hướng Nam giáp hộ Đào Ngọc S (thửa đất 165) có số đo 22,4m.
- Hướng Bắc giáp hộ Dương Quốc V (thửa đất 167) có số đo 21,9m.

6. Về chi phí giám định: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O phải chịu 3.060.000 (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng. Do bị đơn, bà Trương Thị L1 đã tạm ứng nên bà L, chị O có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L1 số tiền trên.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O phải chịu số tiền là 2.930.000 đồng. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

8. Về án phí:

8.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O, mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Trương Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc L và chị Trương Hoàng O mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0006632, 0006633 ngày 29/03/2019, bà L, chị O đã nộp đủ.

9. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án hoặc cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án chủ động cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2019).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (án NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương